

Thủ tục	Đăng ký tạm trú
Trình tự thực hiện	- Bước 1: Cá nhân, tổ chức chuẩn bị hồ sơ theo quy định của pháp luật. - Bước 2: Cá nhân, tổ chức nộp hồ sơ tại Công an cấp xã. - Bước 3: Khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký tạm trú, cơ quan đăng ký cư trú kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ: + Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận hồ sơ và cấp Phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (mẫu CT04 ban hành kèm theo Thông tư số 66/2023/TT-BCA) cho người đăng ký; + Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện thì từ chối và cấp Phiếu từ chối tiếp nhận, giải quyết hồ sơ (mẫu CT06 ban hành kèm theo Thông tư số 66/2023/TT-BCA) cho người đăng ký). - Bước 4: Cá nhân, tổ chức nộp lệ phí đăng ký cư trú theo quy định. - Bước 5: Căn cứ theo ngày hẹn trên Phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả để nhận thông báo kết quả giải quyết thủ tục đăng ký cư trú (nếu có).
Cách thức thực hiện	- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Công an cấp xã. - Nộp hồ sơ trực tuyến qua các cổng cung cấp dịch vụ công trực tuyến như: Trực tuyến tại Cổng dịch vụ công qua Cổng dịch vụ công quốc gia, hoặc qua Cổng dịch vụ công Bộ Công an, Cổng dịch vụ công quản lý cư trú; Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật).
Thành phần, số lượng hồ sơ	
a) Thành phần hồ sơ	* Hồ sơ đăng ký tạm trú gồm: - Tờ khai thay đổi thông tin cư trú (Mẫu CT01 ban hành kèm theo Thông tư số 53/2025/TT-BCA); đối với người đăng ký tạm trú là người chưa thành niên thì trong tờ khai phải ghi rõ ý kiến đồng ý của cha, mẹ hoặc người giám hộ, trừ trường hợp đã có ý kiến đồng ý bằng văn bản; - Giấy tờ, tài liệu chứng minh chỗ ở hợp pháp.

	* Đăng ký tạm trú tại nơi đơn vị đóng quân trong Công an nhân dân, hồ sơ gồm: - Tờ khai thay đổi thông tin cư trú (Mẫu CT01 ban hành kèm theo Thông tư số 53/2025/TT-BCA); - Giấy giới thiệu của Thủ trưởng đơn vị quản lý trực tiếp ghi rõ nội dung để làm thủ tục đăng ký tạm trú và đơn vị có chỗ ở cho cán bộ chiến sĩ (ký tên, đóng dấu). * Đăng ký tạm trú theo danh sách, hồ sơ gồm: - Tờ khai thay đổi thông tin cư trú (của từng người) (Mẫu CT01 ban hành kèm theo Thông tư số 53/2025/TT-BCA); - Văn bản đề nghị đăng ký tạm trú trong đó ghi rõ thông tin về chỗ ở hợp pháp kèm danh sách người tạm trú. Danh sách bao gồm những thông tin cơ bản của từng người: họ, chữ đệm và tên; ngày, tháng, năm sinh; giới tính; số định danh cá nhân và thời hạn tạm trú.
b) Số lượng hồ sơ	01 (một) bộ.
Thời hạn giải quyết	Thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến đăng ký cư trú.
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	Công an cấp xã.
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Trường hợp hồ sơ đầy đủ hợp lệ cơ quan đăng ký cư trú có trách nhiệm thẩm định, cập nhật thông tin về nơi tạm trú mới, thời hạn tạm trú của người đăng ký vào Cơ sở dữ liệu về cư trú và thông báo cho người đăng ký về việc đã cập nhật thông tin đăng ký tạm trú (mẫu CT08 ban hành kèm theo Thông tư số 66/2023/TT-BCA); trường hợp từ chối đăng ký thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do (mẫu CT06 ban hành kèm theo Thông tư số 66/2023/TT-BCA).
Phí, lệ phí:	- Đăng ký tạm trú (cá nhân, hộ gia đình): + Trường hợp công dân nộp hồ sơ trực tiếp thu 15.000 đồng/lần đăng ký. + Trường hợp công dân nộp hồ sơ qua cổng dịch vụ công trực tuyến thu 7.000 đồng/lần đăng ký. - Đăng ký tạm trú theo danh sách:

	+ Trường hợp công dân nộp hồ sơ trực tiếp thu 10.000 đồng/người/lần đăng ký. + Trường hợp công dân nộp hồ sơ qua cổng dịch vụ công trực tuyến thu 5.000 đồng/người/lần đăng ký. - Đối tượng miễn thu lệ phí: Bố, mẹ, vợ (hoặc chồng), con dưới 18 tuổi của liệt sĩ; thương binh, con dưới 18 tuổi của thương binh; Bà mẹ Việt Nam anh hùng; trẻ em; hộ nghèo; người khuyết tật, đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	Tờ khai thay đổi thông tin cư trú (CT01), Thông báo về kết quả giải quyết, hủy bỏ đăng ký cư trú (CT08) (Quy định tại Thông tư số 56/2021/TT-BCA ngày 15/5/2021).
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính	Không
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Cư trú số 68/2020/QH14 ngày 13/11/2020. - Nghị định số 154/2024/NĐ-CP ngày 26/11/2024 của Chính phủ. - Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ. - Thông tư số 55/2021/TT-BCA ngày 15/5/2021 của Bộ Công an. - Thông tư số 56/2021/TT-BCA ngày 15/5/2021 của Bộ Công an. - Thông tư số 190/2021/TT-BQP ngày 31/12/2021 của Bộ Quốc phòng. - Thông tư số 66/2023/TT-BCA ngày 17/11/2023 của Bộ Công an. - Thông tư số 53/2025/TT-BCA ngày 01/7/2025 của Bộ Công an. - Thông tư số 54/2025/TT-BCA ngày 01/7/2025 của Bộ Công an. - Thông tư số 75/2022/TT-BTC ngày 22/12/2022 được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 71/2025/TT-BTC ngày 01/7/2025 của Bộ Tài chính.